

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2020.

V/v Thay đổi Bản công bố BCTN 2019

**Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Thực hiện Quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đã công bố Báo cáo thường niên năm 2019 (BCTN 2019) vào ngày 30/03/2020 theo đúng quy định. Tuy nhiên, do quá trình lập báo cáo đã có xảy ra một số lỗi do đánh máy nhưng chưa được phát hiện khi công bố. Nhằm đảm bảo thông tin được chính xác, Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kính gửi Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh bản điều chỉnh của BCTN 2019, Bản này sẽ thay thế cho Bản BCTN 2019 đã công bố ngày 30/03/2020.

Trân trọng.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT



*ĐS Nguyễn Thị Mỹ Hạnh*



**OPC**

# BÁO CÁO 2019 THƯỜNG NIÊN 19



**ANNUAL REPORT 2019**





**OPC**

*Thiên Nhiên & Cuộc Sống*






## Sứ Mệnh

1. Cung cấp sản phẩm chất lượng cao, mang tính đột phá, đáp ứng nhu cầu chăm sóc & bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
2. Tạo ra những việc làm có ý nghĩa; giáo dục người lao động sự tôn trọng, yêu thương & trách nhiệm đối với cuộc sống, con người & xã hội.
3. Mang lại giá trị gia tăng & lợi ích thiết thực cho khách hàng, cổ đông & người lao động.
4. Góp phần nâng cao vị thế ngành y dược cổ truyền & công nghiệp dược Việt Nam.

## Tâm Nhìn

Trở thành tập đoàn dược phẩm vững mạnh tại Việt Nam, đồng hành với sự phát triển của cộng đồng.

## Lĩnh Vực Hoạt Động

- Trồng và chế biến dược liệu, sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc, trang thiết bị y tế, hóa chất, mỹ phẩm. Sản xuất, mua bán nước uống có cồn, nước uống có gaz...
  - Sản xuất, Kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu: Vị thuốc y học cổ truyền, Thuốc Đông y, Thuốc từ Dược liệu, Thuốc phiến, Thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên,...
- 



## OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống

Trước những tác dụng phụ không mong muốn ngày càng phổ biến và đa dạng của tân dược, con người có xu hướng quay về với sản phẩm có nguồn gốc dược liệu thiên nhiên. OPC với dòng sản phẩm chủ lực được bào chế từ thảo dược, trên nền tảng bài thuốc cổ truyền phương Đông được sử dụng và lưu truyền qua nhiều thế kỷ. Kết hợp với công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm tối ưu hóa chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý, thuận tiện trong sử dụng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng, sản phẩm OPC luôn mang hương vị, hơi thở thiên nhiên vào tâm hồn, cuộc sống hằng ngày của mọi người và bảo vệ thiên nhiên, hòa quyện với thiên nhiên.

# MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	6
THÔNG TIN CHUNG	8
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	9
QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN	10
CÁC DANH HIỆU THÀNH TÍCH	13
QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ	18
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	19
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	20
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	22
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	25
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS	28
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	30
CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG	32
CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	34
CÔNG TÁC GÓP VỐN ĐẦU TƯ	36
CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	38
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC	40
CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG	42
CÔNG TÁC XÃ HỘI	43
CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	44
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2020	46
KẾT LUẬN	47
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	48





## “ THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ”

Kính thưa quý vị!

Năm 2019 vừa qua, tình hình kinh tế vĩ mô đạt được những kết quả tích cực: tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,02% (vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%); Chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát, đạt mức thấp hơn so với chỉ tiêu Quốc hội đề ra (dưới 4%), chính sách tài khóa được ổn định và chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo các cân đối vĩ mô, phát huy lợi thế và giảm thiểu các tác động tiêu cực từ hội nhập kinh tế Quốc tế.

Nhìn lại ngành Dược phẩm Việt Nam, luôn được đánh giá là thị trường tiềm năng, phát triển ổn định và thuộc nhóm phòng thủ. Năm 2019, doanh thu ngành dược Việt Nam ước tính khoảng 6,5 tỷ USD (Fitch Solutions), tiếp tục tăng trưởng ở 2 con số. Tuy nhiên, cũng chính sức hấp dẫn của thị trường này đã lôi kéo sự đầu tư ồ ạt từ các tập đoàn dược phẩm nước ngoài và cả các đại gia ngoài ngành làm cho sự cạnh tranh trở thành câu chuyện kéo dài và ngày càng trở nên khốc liệt. Thêm vào đó là sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, các doanh nghiệp nội địa thường chịu sự bất ổn giá cả, gia tăng về chi phí... khiến cho bài toán doanh thu - lợi nhuận càng trở nên khó khăn hơn.

Năm 2019, để ứng phó với tình hình chung, định hướng trong chiến lược phát triển bền vững, OPC đã chủ động điều chỉnh chính sách kinh doanh, hợp lý hóa quy trình, cắt giảm về chi phí... những điều chỉnh đó tác động tức thời đến kết quả doanh thu, cụ thể năm 2019 đạt 861,7 tỉ đồng hoàn thành 98% so với kế hoạch và 101% so với thực hiện 2018; lợi nhuận trước thuế 130,4 tỉ đồng đạt 109% kế hoạch và 111% so với năm 2018. Cổ tức cho cổ đông được đảm bảo và dự kiến là 25% VDL tăng 25% so với kế hoạch (20% VDL).

Trong bối cảnh dân số đang dần bước vào giai đoạn già hoá, thu nhập gia tăng đi kèm sự quan tâm ngày càng nhiều của người dân về vấn đề chăm sóc sức khỏe, không chỉ ngày càng nhiều sản phẩm ngoại nhập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng mà còn sự thâm nhập ngày càng sâu của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường trong nước. Các doanh nghiệp dược nội địa muốn chiếm lĩnh và giữ vững thị phần không gì khác phải không ngừng nâng cao năng lực, xây dựng thương hiệu và uy tín trên thị trường.

Với quá trình đã trải qua 43 năm hình thành và phát triển, giữ vững giá trị cốt lõi, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng, OPC tin tưởng sẽ vượt qua mọi thử thách để phát triển bền vững và xứng đáng với danh hiệu “Thương hiệu Quốc gia” duy nhất 6 lần liên tiếp trong ngành dược. Với thông điệp “OPC- Niềm tin sức khỏe của mọi nhà”, chúng tôi cam kết đảm bảo cung cấp sản phẩm đạt chất lượng, hiệu quả, an toàn với giá cả và dịch vụ khách hàng tốt nhất. OPC, quyết tâm hoàn thành mục tiêu kế hoạch 2020 cụ thể về doanh thu: 815 tỷ đồng; LNTT: 130 tỷ đồng; Cổ tức: 20%VDL.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý khách hàng, các nhà đầu tư, đối tác, các cơ quan ban ngành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng OPC trên con đường phát triển và thực hiện sứ mệnh của mình. Với những kết quả đạt được, chúng tôi tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục gắn bó và đồng hành cùng sự phát triển bền vững của OPC.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020  
Chủ tịch HĐQT



**ĐS. Trịnh Xuân Vương**





Tên giao dịch:

- » Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**
- » Tên tiếng Anh: **OPC PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302560110 cấp ngày 25/3/2002, sửa đổi lần thứ 14 ngày 16/08/2016.

Vốn điều lệ: 265.772.800.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 265.772.800.000 đồng

Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-28) 37517111 - (84-28) 38754525

Số fax: ( 84-28) 38752048

Website: <http://www.opcpharma.com>

Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)

Mã cổ phiếu: OPC

*OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống*



Kinh doanh, gieo trồng, chế biến dược liệu;

Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc thiết bị y tế, hoá chất, mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng, rượu và các loại nước uống có cồn, nước uống có gaz;

Sản xuất, Kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu: Vị thuốc y học cổ truyền, Thuốc Đông y, Thuốc từ Dược liệu, Thuốc phấn, Thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên,...

Pha chế thuốc theo đơn;

Tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược;

Kinh doanh xuất nhập khẩu trong lĩnh vực y và dược;

Bán buôn cao su;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;

Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.





- Ngày 24/10/1977 được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ 8 viện bào chế tư nhân tại Sài Gòn trước đây. Những ngày đầu thành lập, Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 chỉ với hơn 100 cán bộ công nhân viên, văn phòng và nhà máy được xây dựng trên diện tích khoảng 7.000 m<sup>2</sup>, là một trong hai xí nghiệp lớn của Trung ương được phân công sản xuất thuốc từ dược liệu theo định hướng kế thừa và phát huy nền y học dân tộc. Đó cũng chính là giá trị cốt lõi được OPC gìn giữ và phát triển cho đến ngày nay.
- OPC Là đơn vị được quan tâm đến công tác Marketing đầu tiên từ những năm 1985, với các hình thức quảng bá thương hiệu lúc bấy giờ còn thủ công đơn giản nhưng hiệu quả trong việc giới thiệu hình ảnh, sản phẩm của công ty đến với người tiêu dùng từ thành thị đến nông thôn trên khắp mọi miền đất nước.
- Năm 1994, là Đơn vị xuất khẩu mạnh nhất trong Tổng công ty Dược Việt Nam với kim ngạch đạt 1,4 triệu USD. Cao sao vàng và các sản phẩm OPC đã có mặt tại 15 nước trên thế giới.
- Năm 1998: OPC giới thiệu ra thị trường viên trị sỏi thận Kim Tiền Thảo “Ông Già” đầu tiên tại Việt Nam. Năm 2000 KTT Ông Già với slogan “Có Kim tiền thảo OPC trị sỏi thận là tôi yên tâm” đã trở thành một trong 10 sự kiện nổi bật nhất của Tổng công ty dược Việt Nam.
- Năm 1999, triển khai áp dụng GMP-ASEAN cho dây chuyền viên nang mềm đầu tiên tại Việt Nam.



- Năm 2002, Xí nghiệp Dược phẩm TW26 - OPC thực hiện chuyển đổi sang mô hình cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, vốn điều lệ ban đầu 20 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp dược nhà nước trực thuộc Bộ Y tế thực hiện cổ phần hóa sớm và thành công nhất.
- Năm 2005, OPC là một trong những đơn vị sản xuất thuốc đông dược đầu tiên được BYT cấp giấy chứng nhận GMP – GLP – GSP và tổ chức DNV-UKAS Hà Lan cấp giấy chứng nhận ISO 9001 phiên bản 2000.
- Năm 2007, Thành lập Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương, vốn điều lệ 15 tỉ đồng.
- Năm 2008, thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch với mã chứng khoán OPC; OPC có nhà máy sản xuất ethanol đầu tiên trên cả nước được cấp giấy chứng GMP-WHO.
- Năm 2009, khởi công xây dựng nhà máy sản xuất GMP WHO tại BD trên dt 5.6 ha, vốn đầu tư ban đầu trên 200 tỉ đồng và được tái cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Năm 2010, thành lập Công ty cổ phần Dược OPC Bắc Giang, với chức năng chính: trồng và chế biến dược liệu. Và Tháng 7/2014 nhà máy Dược OPC-Bắc Giang được Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận GMP-WHO.





- Tháng 3/2012, Nhà máy Dược phẩm OPC Bình Dương được Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế công nhận đạt tiêu chuẩn GMP-WHO và chính thức đi vào hoạt động.
- Tháng 6/2015 vùng trồng dược liệu Kim tiền thảo tại Bắc Giang được Cục Quản lý Y Dược Cổ truyền - Bộ Y Tế cấp Phiếu tiếp nhận Bản công bố Dược liệu Kim tiền thảo sản xuất theo GACP - WHO.
- Năm 2016, OPC Đầu tư mở rộng dây chuyền sơ chế chế biến dược liệu, vị thuốc YHCT đạt tiêu chuẩn GMP-WHO & chính thức tham gia thị trường thuốc YHCT (thuốc phiến). Tháng 9/2016 OPC trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 (năm giữ 58,14% VDL).
- Năm 2017, Kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập Công ty (24/10/1977 - 24/10/2017). OPC Đạt danh hiệu Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 40 năm.
- 2018: Là Doanh nghiệp Dược duy nhất 6 lần liên tiếp đạt biểu trưng “Thương hiệu Quốc gia”. Đạt giải thưởng Sao vàng Đất Việt 13 năm liên tiếp. Hàng Việt Nam chất lượng cao 22 năm liền.

**Hiện nay OPC với VDL trên 265 tỉ đồng, Nhà máy sản xuất hiện đại đạt tiêu chuẩn GMP-WHO sánh tầm khu vực, đội ngũ CBCNV gần 1.000 người, Hệ thống phân phối bao gồm 9 chi nhánh trải dài từ Bắc chí Nam, doanh thu lợi nhuận tăng trưởng ổn định. OPC đã trở thành thương hiệu tiêu biểu của ngành dược Việt Nam, được người tiêu dùng và ngành y dược trong và ngoài nước biết đến như một trong những thương hiệu dược phẩm uy tín hàng đầu.**



Huân chương Lao động hạng I(1997), II(1983), III(1980); Anh Hùng lao động thời kỳ đổi mới (2000); Huân chương độc lập hạng III(2005).

Thương hiệu Quốc gia (OPC là doanh nghiệp Dược duy nhất được nhận giải thưởng 06 lần liên tiếp kể từ năm 2008).

Giải thưởng Ngôi sao thuốc Việt

Sao Vàng Đất Việt 14 năm liền (2007 - 2020).

Hàng Việt Nam Chất lượng cao 23 năm liền (1998 - 2020).

Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 40 năm

Top 10 Công ty Dược Việt Nam uy tín Việt Nam năm (2016 - 2019).

Top 100 Doanh nghiệp bền vững do VCCI và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam trao tặng.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) & Vietnamnet phối hợp tổ chức.

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập DN lớn nhất Việt Nam 7 năm liên tiếp (2010 - 2016).





## CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 348 phố Ngô Quyền, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội  
Điện thoại: 024.3787.5336 - 024.3787.5337  
Fax: 024.3787.5338  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opchanoi@opcpharma.com](mailto:opchanoi@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH NGHỆ AN

Địa chỉ: 99B Nguyễn Thái Học, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An  
Điện thoại: 0238.358.5239  
Fax: 0238.358.5238  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opcnghean@opcpharma.com](mailto:opcnghean@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 612 Nguyễn Hữu Thọ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 0236.369.7888  
Fax: 0236.369.7973  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opcdanang@opcpharma.com](mailto:opcdanang@opcpharma.com)





## CHI NHÁNH NHA TRANG

**Địa chỉ:** Lô OI-06 đường số 6, khu STH03A, khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.

**Điện thoại:** 0258.246.5886

**Fax:** 0258.246.5885

**Website:** [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)

**Email:** [opcnhatrang@opcpharma.com](mailto:opcnhatrang@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH MIỀN ĐÔNG

**Địa chỉ:** Số 09/ĐX04-TH, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vinh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương

**Điện thoại:** 0274.363.2178

**Fax:** 0274.363.2177

**Website:** [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)

**Email:** [opcmiendong@opcpharma.com](mailto:opcmiendong@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH VŨNG TÀU

**Địa chỉ:** 38 Trương Văn Bang, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

**Điện thoại:** 0254.3832.364

**Fax:** 0254.3832.364

**Website:** [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)

**Email:** [opczungtau@opcpharma.com](mailto:opczungtau@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6,  
TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028.37517111 - 028.38756619  
Fax: 028.38752048  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH TIỀN GIANG

Địa chỉ: 297 Nguyễn Thị Thập, Phường 5, TP. Mỹ Tho,  
Tỉnh Tiền Giang  
Điện thoại: 0273.395.0999  
Fax: 0273.395.8899  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opctienjiang@opcpharma.com](mailto:opctienjiang@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ: 172 Khu đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ Khu  
vực 8, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần  
Thơ  
Điện thoại: 0292.383.7999 - 0292.383.7799  
Fax: 0292.383.7788  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opccantho@opcpharma.com](mailto:opccantho@opcpharma.com)





## NHÀ MÁY DƯỢC PHẨM OPC TẠI BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH MTV OPC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 09/ĐX04-TH, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vinh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương  
Điện thoại: 0274.363.2732  
Fax: 0274.363.2345  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)



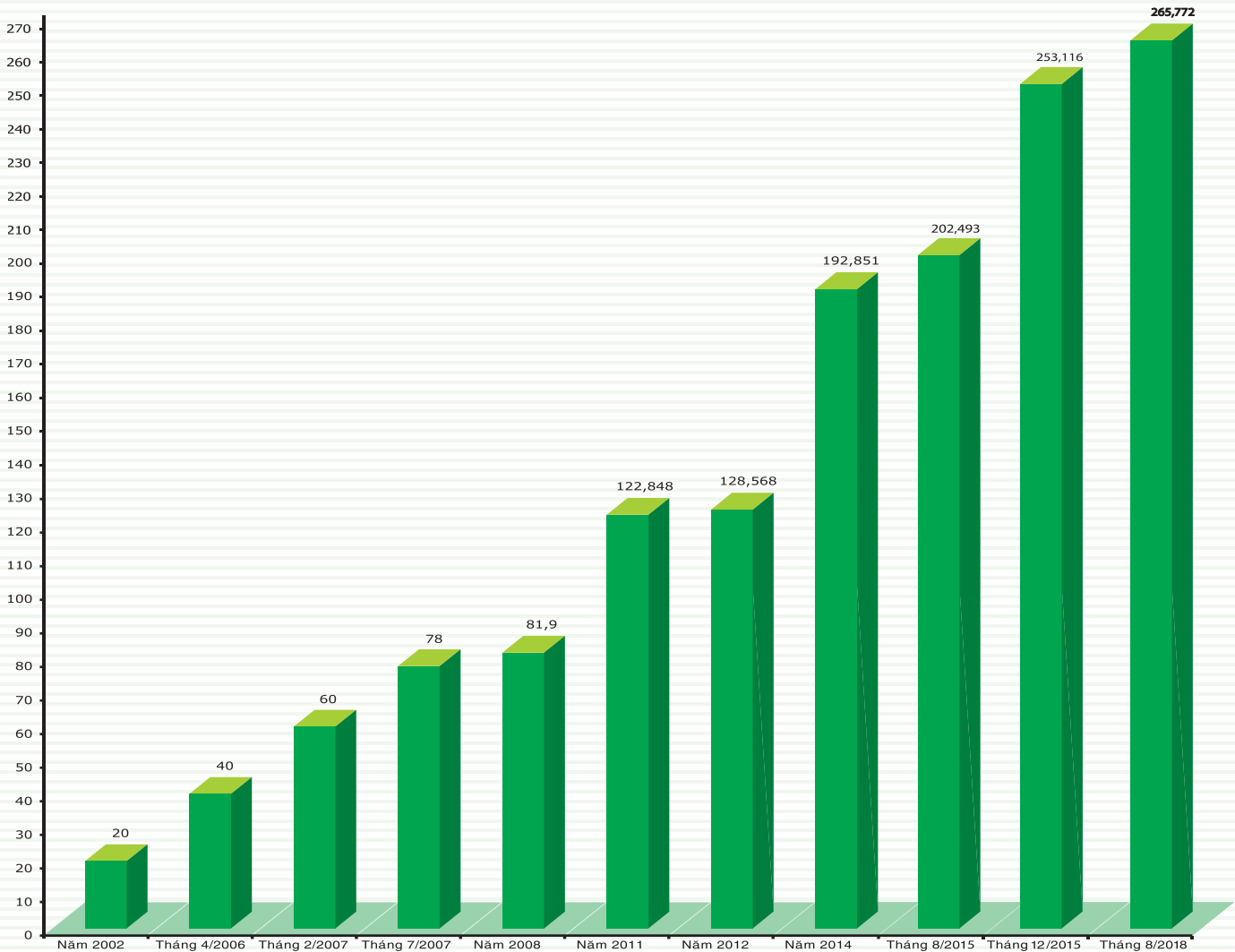
## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC OPC - BẮC GIANG

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204.355.9494  
Fax: 0204.355.9494  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)

Địa chỉ: 7-9-Đinh Hồng, Huyện Đình Lập, Quảng Ninh, Việt Nam  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)



## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



- Năm 2002**      Vốn điều lệ ban đầu 20 tỉ đồng.
- Tháng 04/2006**      Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1, vốn điều lệ đã tăng lên 40 tỉ đồng.
- Tháng 02/2007**      Phát hành cổ phiếu ra công chúng bằng hình thức đấu giá đã tăng vốn điều lệ lên 60 tỉ đồng và đem lại nguồn vốn thặng dư là 109.629.836.238 đồng.
- Tháng 07/2007**      Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 30% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 60 tỉ đồng lên 78 tỉ đồng.
- Tháng 01/2008**      Phát hành thêm cổ phiếu với tỉ lệ phân bổ quyền 20:1 bằng mệnh giá đã tăng vốn điều lệ lên 81,9 tỉ đồng.
- Tháng 10/2011**      Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 50% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 81,9 tỉ đồng lên 122,848 tỉ đồng.
- Tháng 08/2012**      Phát hành cổ phiếu cho người lao động là cán bộ chủ chốt (ESOP OPC 2012) đã tăng vốn điều lệ từ 122,848 tỉ đồng lên 128,568 tỉ đồng.
- Tháng 12/2014**      Phát hành cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 2:1 cho Cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ tăng từ 128,568 tỉ đồng lên 192,851 tỉ đồng.
- Tháng 08/2015**      Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động của Công ty (ESOP OPC 2015) đã tăng vốn điều lệ từ 192,851 tỉ đồng lên 202,493 tỉ đồng.
- Tháng 12/2015**      Phát hành cổ phiếu ra công chúng theo tỉ lệ 4:1 cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 202,493 tỉ đồng lên 253,116 tỉ đồng.
- Tháng 08/2018**      Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động của Công ty (ESOP OPC 2018) đã tăng vốn điều lệ từ 253,116 tỉ đồng lên 265,772 tỉ đồng.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CẬP NHẬT THAY ĐỔI ĐẾN NGÀY 18/03/2020

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<b>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên</b>	<b>13,398,750</b>	<b>50.41%</b>
	- Trong nước		
	+ Cổ đông là tổ chức		
	Tổng Công ty Dược Việt Nam - Cty Cổ phần	3,562,650	13.40%
	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	3,414,605	12.85%
	+ Cổ đông là cá nhân		
	Trịnh Xuân Vương	3.009.003	11,32%
	Nguyễn Chí Linh	3.412.492	12,84%
	- Nước ngoài		
	+ Cổ đông là tổ chức	0	0
+ Cổ đông là cá nhân	0	0	
2	<b>Cổ đông khác</b>	<b>13,178,530</b>	<b>49.59%</b>
	- Trong nước	11,819,811	44,47%
	- Nước ngoài	1,358,719	5.11%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>26.577.280</b>	<b>100%</b>

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **Trịnh Xuân Vương** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Số cổ phần sở hữu: 3,009,003 CP, tỉ lệ 11.32 %.

Ông **Nguyễn Chí Linh** - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương  
Số cổ phần sở hữu: 3,412,492 CP, tỉ lệ 12.84 %.

Ông **Ngô Tân Long** - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương  
Số cổ phần sở hữu: 205,052 CP, tỉ lệ 0.77 %.

Ông **Lê Minh Diễm** - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (Thành viên không điều hành)  
Số cổ phần sở hữu: 1,267,016 CP, tỉ lệ 4.77 %.

Ông **Trương Đức Vọng** - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (Thành viên không điều hành)  
Số cổ phần sở hữu: 586,096 CP, tỉ lệ 2.21 %.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông **Nguyễn Chí Linh** - Tổng giám đốc  
Sinh năm 1959 tại Hà Tĩnh, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp kỹ sư sinh hóa năm 1981. Hiện nay giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT OPC kể từ ngày 14/04/2011 và Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương kể từ ngày 21/04/2011.

Bà **Lê Thị Thúy Anh** - Phó Tổng giám đốc  
Sinh năm 1970 tại TP. Hồ Chí Minh, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp dược sĩ đại học năm 1995, thạc sĩ quản trị kinh doanh năm 2011. Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 12/11/2013.  
Số cổ phần sở hữu: 79,500 CP, tỉ lệ 0.30 %.

Ông **Hà Đức Cường** - Phó Tổng giám đốc  
Sinh năm 1970 tại Quảng Nam, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp dược sĩ đại học năm 1995, thạc sĩ Dược 2009. Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 19/09/2016.  
Số cổ phần sở hữu: 68,000 CP, tỉ lệ 0.26 %.

### BAN KIỂM SOÁT

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Trưởng Ban kiểm soát  
Giám đốc Quản trị Marketing  
Số cổ phần sở hữu: 972,555 CP, tỉ lệ 3.66 %.

Ông **Nguyễn Văn Tấn** - Thành viên Ban kiểm soát  
Giám đốc Tổ chức Lao động  
Số cổ phần sở hữu: 36,093 CP, tỉ lệ 0.14 %.

Ông **Lê Vũ Thuật** - Thành viên Ban kiểm soát  
Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương  
Số cổ phần sở hữu: 151,915 CP, tỉ lệ 0.57 %.

### KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông **Nguyễn Thế Đề**  
Số cổ phần sở hữu: 142,337 CP, tỉ lệ 0.54 %.

### NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Trưởng Ban kiểm soát  
Giám đốc Quản trị Marketing





**Ông Trịnh Xuân Vương**  
Chủ tịch HĐQT



**Ông Nguyễn Chí Linh**  
Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc



**Ông Lê Minh Điềm**  
Thành viên HĐQT



**Ông Trương Đức Vọng**  
Thành viên HĐQT



**Ông Ngô Tân Long**  
Thành viên HĐQT

**BAN KIỂM SOÁT**



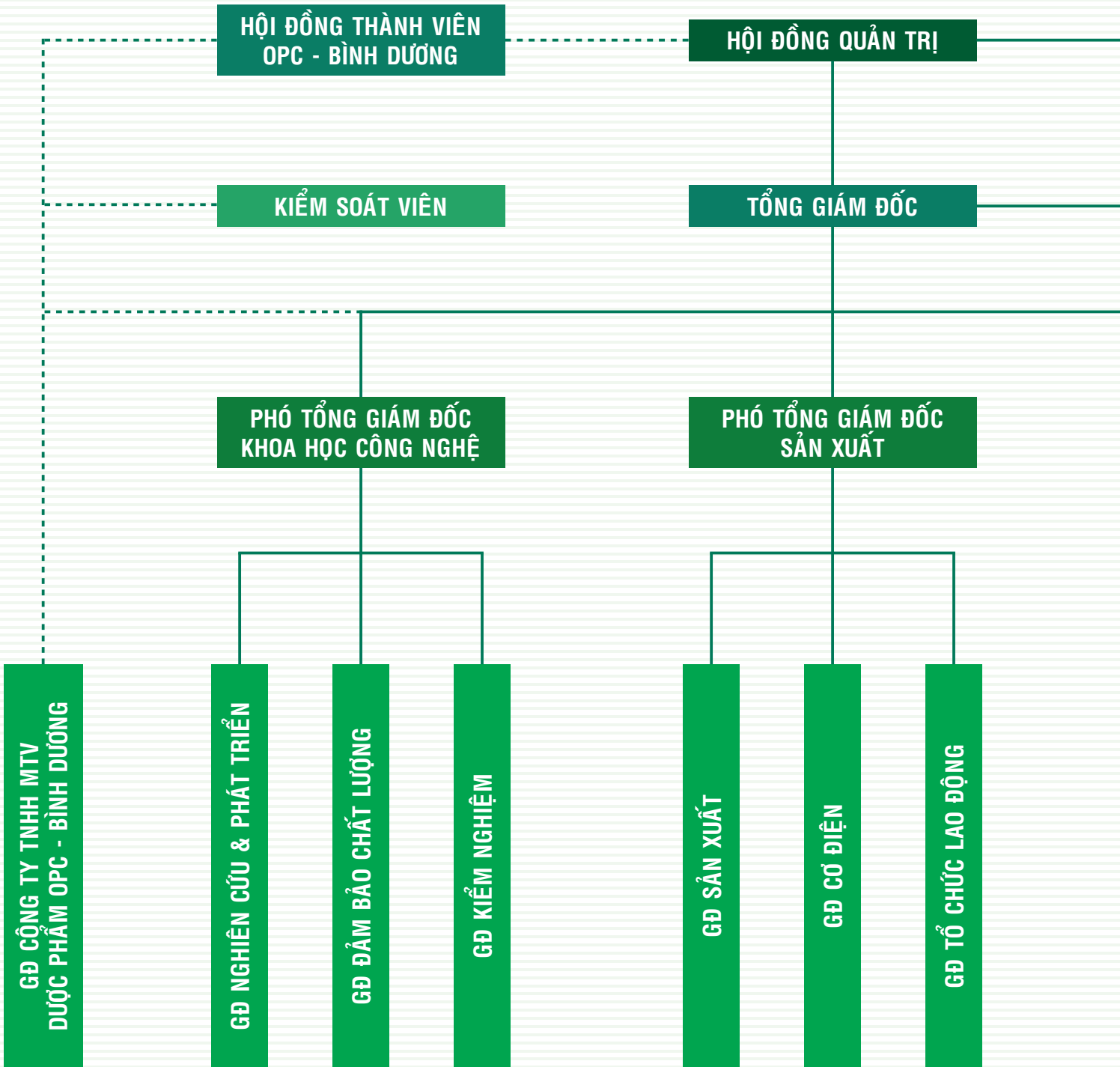
**Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**  
Trưởng Ban kiểm soát  
Người được ủy quyền Công bố thông tin



**Ông Nguyễn Văn Tấn**  
Thành viên Ban kiểm soát



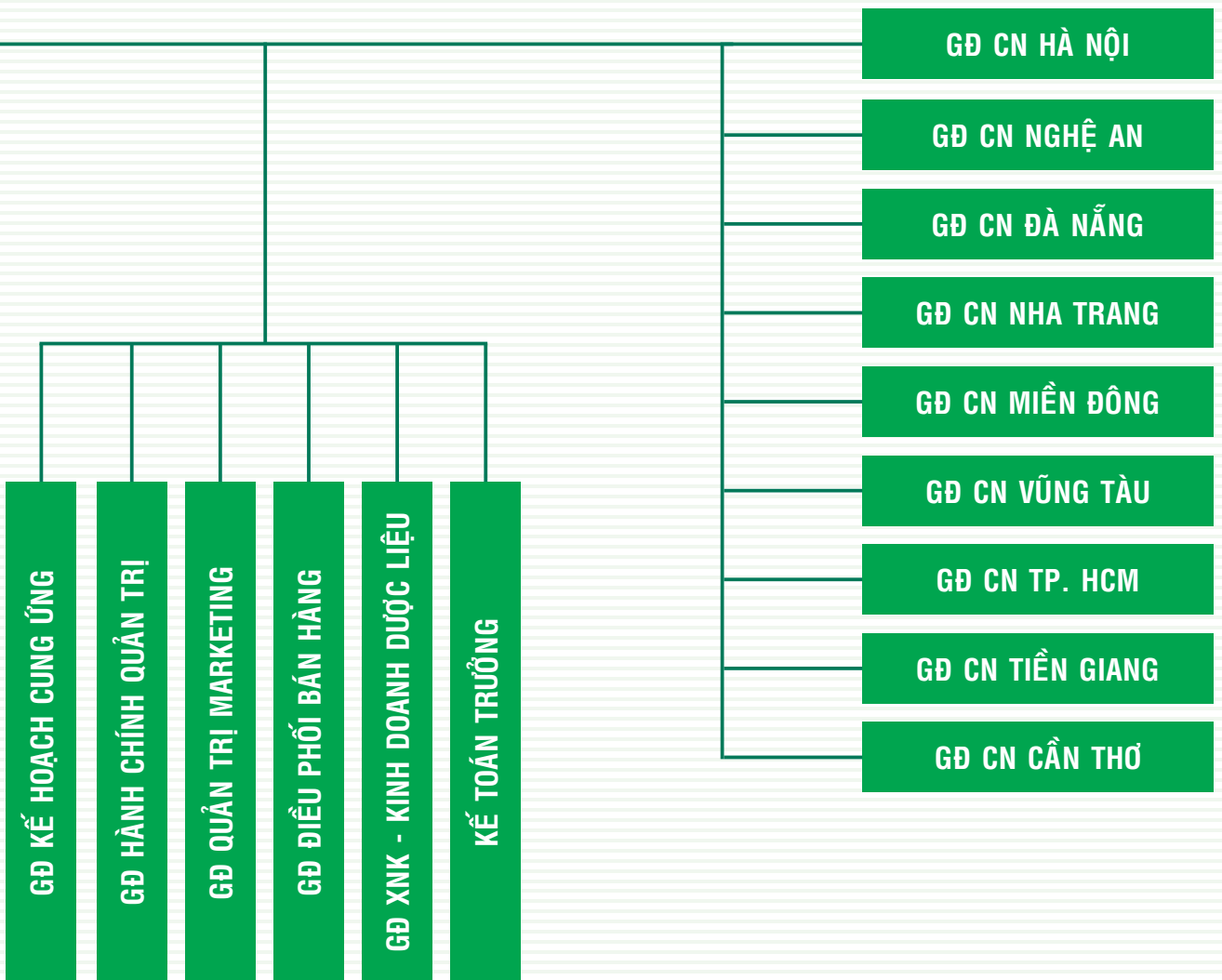
**Ông Lê Vũ Thuật**  
Thành viên Ban kiểm soát







**BAN KIỂM SOÁT**





*OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống*





Trong năm 2019, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tiến hành 5 cuộc họp, ban hành 4 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Trong đó có 4 cuộc họp định kỳ trực tiếp và 1 cuộc họp thông qua hình thức gửi thư xin ý kiến. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Chất lượng các cuộc họp của HĐQT ngày càng được nâng cao. Theo đó, HĐQT đã cải tiến phương thức và nội dung chương trình họp theo hướng tập trung thảo luận các quyết sách, các định hướng chiến lược và chất vấn của các thành viên HĐQT không điều hành đối với Tổng Giám đốc.

Hàng quý trong các kỳ họp định kỳ, Hội đồng quản trị đều có những đánh giá sơ kết, phân tích tình hình hoạt động của công ty những mặt tích cực và hạn chế, qua đó luôn kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ. Hoạt động của HĐQT được duy trì thường xuyên đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng cuộc họp, tỷ lệ tham dự đáp ứng quy định của pháp luật.

HĐQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật & Điều lệ Công ty về tần suất họp cũng như các thủ tục pháp lý về cuộc họp HĐQT. Các Biên bản, nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự trao đổi, thống nhất cao của các thành viên, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như các bên liên quan.

### THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Nghị quyết số 366/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, dưới sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể CBCNV, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 cơ bản hoàn thành kế hoạch mục tiêu đề ra. Do công ty chủ động điều chỉnh chính sách kinh doanh đồng thời tác động bởi những khó khăn chung của ngành dược, doanh thu năm 2019 là 861,7 tỉ đồng đạt 98% so với kế hoạch nhưng đạt 101% so với 2018; lợi nhuận trước thuế 130,4 tỉ đồng đạt 109% kế hoạch và 111% so với 2018 nhờ vào công tác điều hành chặt chẽ, hợp lý hóa quy trình và cắt giảm chi phí (Số liệu này chưa hợp nhất báo cáo tài chính với Dựợc TW25 để so sánh với cùng kỳ 2018 và kế hoạch 2019). Số liệu báo





cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán thì doanh thu là 994,1 tỉ đồng và lợi nhuận trước thuế là 131,2 tỉ đồng.

Ngày 03/06/2019, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 518/NQ-HĐQT để thực hiện chi trả cổ tức đợt 2/2018 cho các cổ đông bằng tiền mặt với tỉ lệ 10% / vốn điều lệ. Như vậy tổng cộng cổ tức đã chi trả cho năm 2018 là 20%.

Ngày 25/11/2019, Hội đồng quản trị đã chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1/2019 bằng tiền mặt cho các cổ đông với tỉ lệ là 10%/ vốn điều lệ kể từ ngày 12/12/2019.

Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông năm 2019 với tỷ lệ là 25%/ vốn điều lệ (kế hoạch là 20%). Đợt 1 đã chi trả 10%, đợt 2 còn lại là 15 %.

Theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét số 61517100 - 21236198 ngày 03/07/2019 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về việc soát xét BCTC riêng và hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

## THỰC HIỆN CÁC QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT & CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trong công tác quản lý, điều hành, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị công ty, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Các quy chế ban hành đã từng bước nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật (Thông tư 155/2015/TT-BTC và Quy chế CBTT của Sở GD&ĐT HCM).

## THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC qui định thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hoạch toán vào chi phí kinh doanh với mức trích không quá 5% lợi nhuận sau thuế như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế(LNST) được phân phối năm 2019	103.607.147.953
2	Thù lao HĐQT được trích theo quy định của Điều lệ 5%	5.180.357.000
3	Thù lao HĐQT & BKS trong năm 2019	5.179.944.431
4	Tỷ lệ % thù lao / LNST	5%

## PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị công ty áp dụng theo những thông lệ và thực hành tiên tiến, tiếp tục tuân thủ các quy định của Nghị định 71/2017/NĐ – CP về quản trị công ty. Theo đó Hội đồng quản trị sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và ban kiểm soát theo hướng chặt chẽ hơn, nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên.

Tiếp tục đầu tư công nghệ và hoàn thiện quy trình sản xuất theo quy định GPs và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.

Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên công ty.

Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

Triển khai thực hiện Dự án xây dựng mới kho thành phẩm và Dự án cải tạo xây dựng khu sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe đạt tiêu chuẩn GMP theo quy định của Bộ Y tế.

Đối với mục tiêu phát triển bền vững, HĐQT cũng sẽ tiếp tục ủng hộ ban điều hành quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phân phối sản phẩm. Đồng thời, Công ty cam kết duy trì và phát huy các hoạt động đầu tư cho cộng đồng, hỗ trợ địa phương, tăng cường tiếp cận chăm sóc sức khỏe cho người dân có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo việc làm cho cán bộ công nhân viên và hài hòa lợi ích của các bên liên quan.



Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát đã có 6 cuộc họp. Các thành viên đã tham dự đầy đủ, nội dung các cuộc họp bao gồm báo cáo công việc được phân công và trao đổi thông tin để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty năm 2019 đối với các lĩnh vực như sau:

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2019.
- Ban Kiểm soát tham gia trong tất cả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Đưa ra những kiến nghị với HĐQT và BTGD về các chính sách liên quan đến sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách thị trường,... của công ty.
- Tham gia công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động các Chi nhánh của Công ty, nhằm tăng cường công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị này.
- Tham gia cùng HĐQT trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường.



## **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH:**

Năm 2019, Công ty thực hiện doanh thu là 861,7 tỷ đạt 98% so kế hoạch và 101% so với 2018. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 130,4 tỷ đạt 109% kế hoạch và 111% so với 2018. (chưa kể sản phẩm TW25). Trong bối cảnh ngành dược cạnh tranh khốc liệt, chính sách quản lý của ngành dược ngày càng siết chặt và thay đổi khôn lường như về điều kiện sản xuất, điều kiện cấp số đăng ký lưu hành sản phẩm, điều kiện kinh doanh phân phối thuốc,...BKS đánh giá kết quả kinh doanh năm 2019 mà Công ty đạt được là rất đáng khích lệ.

## **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2019:**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm soát tình hình tài chính của Công ty và xem xét báo cáo kiểm toán, chúng tôi đồng ý với kết luận của kiểm toán về số liệu trên bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất vào ngày 31/12/2019. Các báo cáo tài chính trong năm 2019 đều phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm báo cáo. Báo cáo tài chính được công bố thông tin kịp thời và đúng quy định đến các cổ đông và nhà đầu tư.

Đối với năm tài chính 2019, BKS đánh giá tình hình tài chính của Công ty ở trạng thái lành mạnh. Các chỉ số cơ bản phản ánh năng lực hoạt động, khả năng thanh toán, cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng sinh lời ...đều khá tốt.

## **KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:**

BKS nhất trí với Báo cáo của HĐQT và Ban Điều hành trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.

## **NHẬN XÉT KẾT LUẬN:**

Trong năm 2019, Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành Công ty đã thực hiện được các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như: chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, chi trả cổ tức. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH trong năm là phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **KIẾN NGHỊ:**

Đề nghị HĐQT và BDH tiếp tục đầu tư, mở rộng hệ thống phân phối, đầu tư chi phí nghiên cứu phát triển thị trường và sản phẩm, nhằm đạt chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận, củng cố vị thế OPC trong ngành Dược phẩm Việt Nam.

Công ty cần có những bước chuẩn bị thích hợp để triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ vừa được Chính phủ ban hành ngày 22/1/2019, có hiệu lực từ ngày 1/4/2019 và thời gian 24 tháng chuẩn bị.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019



Chỉ tiêu	NĂM 2018	NĂM 2019 (*)				BCTC HỢP NHẤT 2019 (**)
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch	% Thực hiện so với 2018	
Doanh thu (tỷ đồng)	854,5	875	861,7	98%	101%	994,1
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	117,7	120	130,4	109%	111%	131,2
Cổ tức (%)	20%	20%	Ước 25%	125%	125%	
Thu nhập bình quân tháng (triệu đ/ người)	15,2		16,7		110%	

(\*) Số liệu không tính việc bán sản phẩm của Dược phẩm TW 25 và chưa hợp nhất báo cáo với Công ty Dược phẩm TW25 nhằm đưa kết quả thực hiện về cùng mặt bằng so sánh để thấy được sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2018 và kế hoạch năm 2019. Theo đó, Tổng doanh thu năm 2019 là 861,7 tỷ đồng đạt 98% so với kế hoạch năm và **101% so với cùng kỳ** năm 2018. Lợi nhuận trước thuế 130,4 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch năm và 111% so với cùng kỳ năm 2018. Kết quả sản xuất kinh doanh với doanh thu gần đạt kế hoạch do Công ty chủ động thay đổi chính sách bán hàng và ảnh hưởng tình hình chung của ngành Dược, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế Công ty vượt mức kế hoạch do Công ty đã chủ động trong việc quản lý chặt chẽ về chi phí, hợp lý hóa quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Ổn định thu nhập người lao động, bình quân: 16,7 triệu đồng/ tháng tăng 10% so 2018; Cổ tức cho cổ đông được dự kiến ở mức **25% vốn điều lệ, tăng 25% so với kế hoạch và so với 2018**.

(\*\*) Kết quả báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán (đã hợp nhất với BCTC Công ty Dược TW25).



# Kiên Nhi **OPSURE**<sup>®</sup>

*Trẻ biếng ăn, chán ăn do tiêu hóa kém*

*Ra mồ hôi trộm...*



**CÔNG THỨC:** Cho 1 chai 90ml. Hoàng kỳ 8g, Trần bì 4g, Hoàng cầm 4g, Lai phục tử (sao) 4g, Bạch truật (sao) 4g, Mạch môn 8g, Sơn tra (sao) 4g. **CHỈ ĐỊNH:** Trẻ em biếng ăn, chán ăn do tiêu hóa kém, dinh dưỡng không cân đối, đầy bụng, lòng bàn tay, bàn chân nóng, tự ra mồ hôi, mồ hôi trộm, yếu sức, đại tiện không đều. **LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:** Trẻ em từ 6 tháng đến 2 tuổi: mỗi lần 2,5 - 5ml. Trẻ em từ 2 tuổi đến 3 tuổi: mỗi lần 5 - 7,5ml. Trẻ em trên 3 tuổi: mỗi lần 7,5 - 15ml. Ngày uống 2 lần. Uống trực tiếp hoặc pha loãng với nước để uống. Lắc đều chai trước khi dùng. **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:** Bệnh nhân mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc. **DẠNG THUỐC VÀ TRÌNH BÀY:** Cao lỏng. Hộp 1 chai 90ml. **BẢO QUẢN:** Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C. **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.** Điện thoại liên hệ: 1800 5555 18 - 08.38778899 hoặc Website: [opcpharma.com](http://opcpharma.com). Số giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc của Cục QLD-BYT: 0507/2017/XNQC/QLD, ngày 21/3/2018.

Điện thoại liên hệ  
**1800 5555 18**



Nhà sản xuất:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM  
OPC**  
1017 HỒNG BÀNG, QUẬN 6, TP. HỒ CHÍ MINH  
ĐT: 028.37517111 Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)



Công ty là doanh nghiệp đạt  
Thương Hiệu Quốc Gia 2018



Công ty là doanh nghiệp đạt  
Ngôi Sao Thuốc Việt 2014







Thị trường chính yếu của OPC vẫn là nội địa đồng thời tích cực đẩy mạnh ở một số thị trường mới ở Canada, Pháp, Nigeria, Nga, Moldova, Latvia, Myanmar,...

Trong năm 2019, OPC đã đầu tư xây dựng cơ sở mới Chi nhánh Cần Thơ tại Quận Ninh Kiều - Tp Cần Thơ, đưa vào hoạt động cuối năm với tổng đầu tư xây dựng và trang bị cơ sở vật chất hơn 24 tỉ đồng nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của chi nhánh.

Năm 2019 OPC đã thực hiện một số điều chỉnh, cơ cấu lại địa bàn hoạt động và nhân sự tại các chi nhánh (Cần Thơ - Tiền Giang, Miền Đông - Vũng Tàu) nhằm phù hợp hơn với tình hình thị trường, thuận tiện hơn với điều kiện hoạt động của các chi nhánh nhằm phát huy thế mạnh và gia tăng độ phủ thị trường.

Thực hiện chính sách chủ động nắm giữ thị trường, mở rộng kênh OTC, từ đầu quý 4 năm 2019 OPC đã thực hiện việc điều chỉnh chính sách thị trường về cơ cấu OTC và ETC. Việc điều chỉnh này đã ảnh hưởng tức thời đến doanh thu, tuy nhiên kết quả cuối năm các chỉ tiêu kinh doanh vẫn đạt và vượt so với cùng kỳ.

Trong hoạt động kinh doanh Vị thuốc y học cổ truyền, bắt cập từ nguồn cung dược liệu đầu vào đến công tác đấu thầu và đánh giá chất lượng vẫn còn là những khó khăn cố hữu.... Điều đó dẫn đến bất lợi về giá trúng thầu và ảnh hưởng đến các yếu tố cạnh tranh khác. Năm 2019, mặc dù sản lượng vẫn đạt trên 100 tấn nhưng doanh thu mặt hàng này là 31 tỉ đồng (giảm 20% so với 2018), số lượng trúng thầu 2019 tương đương 65 tỉ đồng. Tháng 7/2019 OPC được Cục Quản lý Y Dược Cổ truyền – Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận GSP cho hoạt động bảo quản dược liệu, vị thuốc cổ truyền tại Kho Trụ sở và tháng 11/2019 cấp GMP cho hoạt động sản xuất thuốc phôi tại Nhà máy Bình Dương.



Những hoạt động xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu được duy trì, thực hiện thông qua nhiều kênh truyền thông có chọn lọc phù hợp với điều kiện và đặc thù đối với thương hiệu và sản phẩm OPC như: phát thanh trên các kênh VOVGT, VOVGT quốc gia (giờ cao điểm), VOH (Sài Gòn), Quảng cáo, phóng sự truyền hình (VTV, HTV, Vĩnh Long..), quảng cáo trên máy bay (Jetstar, Vietjet), trang fanpage chính thức của OPC (<https://www.facebook.com/opcvn/>), các hoạt động tài trợ... Thông điệp về tầm nhìn và sứ mệnh của OPC luôn được truyền tải nhất quán đến khách hàng. Đặc biệt năm 2019 nổi bật với chuỗi sự kiện tư vấn sức khỏe “Ăn ngon ngủ khỏe, bé sẽ thông minh” đẩy mạnh giới thiệu cho sản phẩm mới Kiện nhi Op.Sure tổ chức ở khu vực thị trường miền Tây và TP. Hồ Chí Minh góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh sản phẩm mới.

Hiện nay OPC có 9 chi nhánh với hơn 400 nhân viên bán hàng phủ đến tuyến huyện của các tỉnh thành trong cả nước. Đội ngũ bán hàng được đào tạo chuyên nghiệp; Công ty đã gắn kết được đông đảo một hệ thống khách hàng bao gồm các Nhà thuốc, Công ty dược, cơ sở điều trị (bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa, bệnh xá, trạm xá, phòng chẩn trị, phòng mạch,...) trên khắp cả nước.





Công tác nghiên cứu sản phẩm mới, ngoài việc tiếp tục hoàn tất các đề tài nghiên cứu sản phẩm mới cấp cơ sở đang triển khai, tiếp tục triển khai các hồ sơ sản phẩm liên quan đến Vị thuốc y học cổ truyền. Năm 2019, đã nghiệm thu 46 đề tài nghiên cứu sản phẩm mới cấp cơ sở và đã nộp hồ sơ đăng ký tại Cục Quản lý Dược, trong đó bao gồm: thuốc (14 bộ), thực phẩm bảo vệ sức khỏe (05 bộ) và vị thuốc y học cổ truyền (27 bộ).

Duy trì hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng trong nghiên cứu, sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các giấy chứng nhận liên quan đến tổ chức hoạt động nghiên cứu, sản xuất kinh doanh theo quy định của quản lý Nhà nước như: Sở Y tế TP HCM tái đánh giá Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cục Y Dược học cổ truyền đánh giá GMP-GSP cho dây chuyền chế biến dược liệu; Tổ chức DNV tái đánh giá cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2015.

Duy trì tốt công tác kiểm tra chất lượng. Tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo năm 2019 đạt kết quả với 2 phương pháp: Định lượng bằng PP chuẩn độ thể tích và Xác định nhiệt độ nóng chảy. Đầu tư máy định lượng kim loại nặng.

Việc đầu tư công nghệ mới tại nhà máy OPC Bình Dương, tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần tăng năng suất lao động, hợp lý hoá quy trình sản xuất tại các dây chuyền, giảm giá thành sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường. Năm 2019, OPC tiếp tục cải tiến, vận hành hiệu quả máy móc thiết bị được đầu tư giai đoạn 2017 - 2019: 2 máy vô hộp tự động PHZ - 100 TQ và CXZ - 100 TQ, máy đóng nang NJP 2000 TQ, thùng Inox cánh khuấy 2500L, máy đóng gói cốm bột KOMACK KP, máy đóng gói thuốc nước KOMACK TYL, máy in phun MARKEM - IMAJE, máy in phun VIDEOJET, nồi hấp sấy tiệt trùng Zongon ... Trong công tác Kiểm nghiệm có 2 máy mới: máy sắc ký lỏng HPLC (đầu 2019, phục vụ cho RD), Máy Quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS (dùng để phân tích hàm lượng Kim loại nặng cuối 2019).





**OPC**

*Thiên Nhiên & Cuộc Sống*



Tính đến 31/12/2019, OPC được Bộ Y Tế cấp phép sản xuất và lưu hành toàn quốc 102 sản phẩm thuốc các loại, 21 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, 03 mỹ phẩm, 166 thuốc phiên, trong đó có 15 số đăng ký sản phẩm xuất khẩu nước ngoài: Lào, Nigeria, Moldova, Myanmar.

Tính đến 31/12/2019, OPC được Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp 264 văn bằng độc quyền còn hiệu lực trong nước bao gồm: tên nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hình, Logo Công ty, biểu tượng, slogan, bản quyền tác giả,...; bên cạnh đó, Logo OPC đã được bảo hộ độc quyền 24 quốc gia trên thế giới (Nhật, Nga, Ba Lan, Latvia, Turkmenistan, Singapore, Thái Lan...).



## Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Công ty tiếp tục thực hiện dự án xây chi nhánh Cần Thơ mới trên lô đất với diện tích 1.349,3m<sup>2</sup>, đưa vào hoạt động trong tháng 11/2019 tại Số 172, Khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Tổng chi phí xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng hơn 24 tỷ đồng.

Xây dựng tường rào, đường tạm khu đất Công ty mua năm 2018 (diện tích 22.076,8 m<sup>2</sup>) tại Nhà máy Bình Dương, số tiền khoảng 2,9 tỷ đồng.

## Đầu tư tài chính:

- ♦ Góp vốn đầu tư vào công ty con:

Tính đến 31/12/2019 tổng vốn đầu tư vào công ty con cụ thể như sau:

STT	Tên cổ phiếu/ Chứng chỉ quỹ	Tỉ lệ (Góp vốn)	Trị giá (đồng)
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương	100%	15.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	58,14%	92.760.000.000

Cổ tức 2018 nhận được trong năm 2019:

- Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương : 1.304.583.363
- Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 : 2.319.000.000

- ♦ Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết:

Tính đến 31/12/2019 tổng vốn đầu tư vào công ty liên kết không có sự thay đổi so với năm 2018; số tiền Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần dược OPC Bắc Giang là 12 tỷ đồng, nắm 40% tỷ lệ sở hữu.

Cổ tức 2018 nhận được trong năm 2019 : 1.416.475.700

◆ Đầu tư dài hạn khác:

Trong năm 2019 mua bổ sung 5.250 cổ phần của Công ty Cổ phần Vật tư y tế Dược Thái Bình với mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu. Các mục đầu tư khác không có biến động:

STT	Tên cổ phiếu/ Chứng chỉ quỹ	Số lượng (CP/CCQ)	Trị giá (đồng)
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha	180.000	4.070.000.000
2	Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	272.250	2.750.000.000
3	Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	1.950.000.000
4	Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000
5	Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	15.750	1.665.000.000
6	Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	10.000	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>11.785.000.000</b>

Cổ tức 2018 nhận được trong năm 2019: là 639.478.000 đồng, riêng Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh bằng cổ phiếu (10%, tương ứng 24.750 cổ phiếu)







Hoàn thành tốt công tác quyết toán, kiểm toán năm 2019 phục vụ kịp thời cho Đại hội cổ đông thường niên 2020.

Quản lý và sử dụng nguồn vốn hợp lý, đáp ứng kịp thời về vốn cho sản xuất kinh doanh & đầu tư, tiết kiệm chi phí lãi vay và trả vốn vay; thực hiện chi trả cổ tức đợt 1/2019 (10%).

Quản lý chặt chẽ tài sản đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.

Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

Phân tích & đánh giá tình hình SX-KD hàng tháng, quý, đưa ra những quyết sách kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Đội ngũ kế toán luôn được nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, nắm bắt kịp thời các chính sách, quy định trong công tác tài chính kế toán.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,189,393,807,996	1,180,031,201,929	99%
Doanh thu thuần	1,002,477,640,022	989,389,861,098	99%
LN từ hoạt động kinh doanh	115,770,369,482	120,450,919,982	104%
LN khác	14,475,673,419	10,732,537,540	74%
LN trước thuế	130,246,042,901	131,183,457,522	101%
LN sau thuế	100,762,072,264	101,248,713,136	100%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	20	25	125%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.53	1.69	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.46	0.56	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.47	0.42	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.90	0.72	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ	1.26	1.00	
DTT/ Tổng tài sản	0.84	0.84	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số LNST/ DTT	0.10	0.10	
+ Hệ số LNST/ Vốn CSH	0.17	0.15	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	0.09	0.09	
+ Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	0.12	0.12	

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 là 1.180 tỉ đồng, giảm 9,4 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó tài sản dài hạn tăng 19,5 tỉ đồng, tài sản ngắn hạn giảm 28,9 tỉ đồng. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu do khoản trả trước dài hạn CTY con - Dược TW25 trả tiền thuê cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp Tân Phú Trung. Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do giảm tiền và các khoản tương đương tiền.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2019 là 492 tỉ đồng, giảm 71 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó nợ dài hạn biến đổi không đáng kể, chủ yếu là nợ ngắn hạn giảm do Công ty giảm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác. Các khoản nợ phải trả của Công ty đến 31/12/2019 đều có khả năng thanh toán.

# CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC & CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG



Ngoài vấn đề cạnh tranh trên thị trường sản phẩm, các doanh nghiệp ngày nay còn phải cạnh tranh cả trên thị trường lao động nhằm thu hút và giữ chân người lao động có trình độ. Do vậy mà các chính sách quan tâm người lao động được OPC thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, một mặt để phù hợp với các thay đổi theo quy định pháp luật, thực hiện thỏa ước lao động tập thể, một mặt tạo động lực cho người lao động làm việc và gắn kết cùng công ty. Năm 2019, OPC tiếp tục duy trì và thực hiện đầy đủ các chế độ lương thưởng, đồng thời thực hiện điều chỉnh cơ cấu lương thưởng theo hướng vừa có lợi cho người lao động vừa thuận tiện hơn cho doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động Công ty là 831 người, cơ cấu so với năm 2018 như sau: (OPC mẹ + OPC Bình Dương)

Cơ cấu lao động	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ %
1. Đại học và sau đại học	239	249	96%
2. Cao đẳng và THCN	356	385	92,5%
3. Công nhân kỹ thuật	236	247	95,5%
Tổng cộng	831	881	94,3 %

Cùng với việc thực thi chính sách địa phương hóa nguồn lao động giản đơn, Công ty đã tiếp tục duy trì các chính sách nhằm hỗ trợ kịp thời, đồng viên người lao động tiếp tục đồng hành với Công ty làm việc ổn định tại nhà máy Bình Dương.

Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV tại Phòng khám đa khoa Medical Diag Center- TP. HCM; tổ chức du lịch nghỉ mát trong tháng 6/2019; các loại tiền thưởng (thưởng hoàn thành kế hoạch, lễ, tết,...) được chi trả kịp thời nhằm đồng viên tinh thần làm việc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người lao động.





Duy trì các phong trào thi đua trong hoạt động sản xuất kinh doanh như Cúp Vàng kinh doanh OPC, cúp Kim cương kinh doanh OPC, Chiến sĩ thi đua, lao động tiến tiến... Phong trào sáng kiến – ý tưởng mới... đã góp phần hợp lý hóa quy trình sản xuất, cải tiến trong nghiệp vụ, tăng cường tiết kiệm trong lao động, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế. Tổng cộng có 11 sáng kiến - ý tưởng mới và 8 công trình thanh niên được Hội đồng Kinh tế kỹ thuật công nhận với tổng mức thưởng là 152 triệu đồng.

Trong lĩnh vực huấn luyện, đào tạo: Công ty luôn quan tâm đến việc cập nhật kiến thức và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, năm 2019 có 79 lớp học được tổ chức với 850 lượt người tham gia. Nội dung đào tạo gồm nhiều lĩnh vực: GPs, ISO 9001:2015, An toàn lao động - Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, Huấn luyện vận hành máy móc thiết bị, Các nghiệp vụ kiểm nghiệm, Sản phẩm mới, Phần mềm Bán hàng Bravo, Kỹ năng giao tiếp bán hàng,.... Ngoài ra, công ty cũng đã tiếp nhận thực tập, huấn luyện đào tạo cho sinh viên từ Trung cấp, Đại học gửi đến tham quan và học tập.

### CÁC CHỨNG CHỈ ĐƯỢC CẤP:

» Sở chủ nguồn chất thải nguy hại do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp lần đầu ngày 10/01/2012, mã số quản lý 74.001803.T., thay cấp lần 3 ngày 10/11/2017.

» Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 62/QĐ - STNMT ngày 17/01/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp cho Nhà máy Dược phẩm OPC, công suất 5.000 tấn/năm.

» Công văn số 3265/GXN - STNMT ngày 30/09/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Nhà máy Dược phẩm OPC công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm.

» Công văn số 3765/S.TNMT-TNN&KS ngày 11/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cho phép xả nước thải sau xử lý vào hồ sinh học tự thấm tại Nhà máy.

» Quyết định số 2703/QĐ – UBND của UBND tỉnh Bình Dương ngày 27/09/2018 v/v Công ty cổ phần Dược phẩm OPC một trong 66 doanh nghiệp được công nhận Sách Xanh tỉnh Bình Dương năm 2018.



### TIÊU THỤ NƯỚC

Khối lượng nước tiêu thụ tại Nhà máy năm 2019 là 34.196 m<sup>3</sup> tương ứng với số tiền là 430.869.600 đồng.

Khối lượng nước ngầm sử dụng tại Nhà máy năm 2019 là 47.140 m<sup>3</sup> tương đương số tiền thuế bảo vệ môi trường phải nộp là 14.782.500 đồng.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng chi phí nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói tiêu thụ sản phẩm năm 2019 là 391,5 tỉ đồng.

Tỉ lệ nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chủ yếu là cồn thu hồi chiếm khoảng 2% tổng chi phí nguyên vật liệu dùng trong năm.

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp chủ yếu là điện và hơi. Năm 2019, khối lượng điện tiêu thụ là 4.299.394 kw điện tương đương 9.2 tỉ đồng. Trong đó điện dùng để sản xuất 8.3 tỉ đồng, hơi sử dụng để sản xuất thuê ngoài năm 2019 là 4,3 tỉ đồng.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Không có vi phạm và bị xử phạt liên quan đến môi trường.





Trong năm 2019, nhiều hoạt động xã hội được Công ty và CBCNV quan tâm, hưởng ứng như: phối hợp cùng Hội chữ thập đỏ Quận 6 tổ chức ngày hội hiến máu nhân đạo với chủ đề “Một giọt máu – triệu tấm lòng” lần 3 thu hút được sự tham gia của CBCNV Công ty. Quyên góp ủng hộ chương trình “Xây dựng bệnh xá trên đảo Nam Yết thuộc Đảo Trường Sa -Khánh Hòa”, “Xuân yêu thương”, quỹ người nghèo Quận 6, quỹ đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình thương binh; tặng quà & chúc tết gia đình khó khăn, tổ chức họp mặt truyền thống, khám chữa bệnh từ thiện, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, trẻ em....và nhiều hoạt động ý nghĩa khác. Qua đó thể hiện vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội, góp phần vào nâng cao hình ảnh và thương hiệu Công ty.







### QUẢN LÝ RỦI RO VỀ NGUỒN CUNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Chất lượng sản phẩm thuốc phụ thuộc rất lớn vào chất lượng và độ ổn định của nguồn cung. Các nguồn nguyên liệu trong nước thường không ổn định, manh mún chưa có quy hoạch tổng thể và khả năng cung ứng còn rất thấp so với nhu cầu sản xuất trong nước. Nguyên liệu làm thuốc nói chung và nguyên liệu thuốc đông dược nói riêng phụ thuộc lớn vào nhập khẩu mà chủ yếu là Trung Quốc, Ấn Độ... Hơn nữa, đặc thù của thuốc đông dược thường được phối hợp nhiều thành phần trong một công thức, trong đó có thể có những thành phần hiếm, khó mua... hoặc có những thành phần sử dụng rất ít, giá thành cao, nhưng không mua được số lượng nhỏ... lại dẫn đến rủi ro về tồn kho. Do vậy, ngoài các vấn đề liên quan đến tỉ giá, giá cả nguyên liệu thì doanh nghiệp vẫn phải chịu rủi ro về độ ổn định của nguồn cung cả về sản lượng lẫn chất lượng. Hiện Công ty đã xây dựng mô hình phối hợp 3 nhà (nhà nông – nhà nước – nhà sản xuất) để quy hoạch các vùng trồng dược liệu trên khắp các miền Bắc Trung Nam tùy theo khí hậu, thổ nhưỡng để nuôi trồng và chế biến các loại dược liệu chính yếu nhằm chủ động trong nguồn cung dược liệu, giảm thiểu rủi ro.

### RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Thị trường trong nước: các mặt hàng dược phẩm trong nước hiện nay có sự cạnh tranh về mặt bằng giá làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất dược nước ngoài và trong nước, bao gồm cả đông dược lẫn tân dược. Không những thế, Công ty phải cạnh tranh với các cơ sở sản xuất đông dược, thô sơ, nhỏ lẻ có giá thành sản phẩm thấp hơn nhiều. Sự cạnh tranh tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Thị trường nước ngoài: các rào cản kỹ thuật của các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, một số nước Châu Á gây ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch xuất khẩu của Công ty vào các thị trường này. Chi phí vận chuyển, chi phí giao nhận ngày một tăng cao, thủ tục xuất nhập khẩu còn rườm rà và nhiều rào cản đã làm ảnh hưởng đến việc cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam nói chung và OPC nói riêng.

## QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

## QUẢN LÝ RỦI RO VỀ TỈ GIÁ, GIÁ CẢ HÀNG HÓA

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính; ngoài ra việc hợp tác phát triển các vùng trồng dược liệu tại khu vực Bắc, Trung, Nam tùy theo điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu... đã giúp Công ty ổn định được nguồn cung dược liệu đặc biệt với những loại dược liệu chính yếu.

## RỦI RO HÀNG NHÁI, HÀNG KÉM PHẨM CHẤT

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động của Công ty, tình trạng hàng nhái, hàng kém phẩm chất, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đang có xu hướng gia tăng. Tình trạng này nếu không được ngăn chặn sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và thương hiệu cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của OPC.

## CÁC RỦI RO ĐẶC THÙ VỀ SẢN PHẨM, VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt, để cho ra đời một sản phẩm thuốc đạt chất lượng (hiệu quả, an toàn), đòi hỏi Công ty đầu tư lượng chất xám và chi phí khá lớn. Các nguyên vật liệu liên quan đến việc sản xuất thuốc phải đạt những tiêu chuẩn quy định, điều kiện sản xuất thuốc phải đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, thuốc phải được thử nghiệm lâm sàng trước khi được cấp Số đăng ký lưu hành. Đây là một quá trình dài, phức tạp và tốn kém. Trong khi đó giá bán thuốc phải chịu sự kiểm soát của ngành, lợi thế về việc đầu tư khoa học công nghệ trong đấu thầu chưa cao. Hơn nữa, hoạt động quảng bá giới thiệu thuốc bị kiểm soát chặt chẽ, cho nên tốc độ xâm nhập thị trường bị hạn chế.

Điều kiện kiểm nghiệm đối chứng có thể khác nhau giữa các quốc gia. Thông tin về dây chuyền công nghệ, các kỹ thuật về theo dõi độ ổn định, kỹ thuật và thiết bị kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu hoặc giới hạn nồng độ các chất không cho phép theo quy ước quốc tế có thể gây ra một số rủi ro về chất lượng sản phẩm.

Tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và việc đáp ứng kịp thời nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng cũng tạo ra sức ép, đòi hỏi Công ty phải thay đổi về chất lượng, mẫu mã, đầu tư đổi mới trang thiết bị sản xuất, cải tiến kỹ thuật và nâng cao tay nghề lao động để đảm bảo khả năng cạnh tranh của Công ty.



### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

Dự kiến trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch các chỉ tiêu năm 2020 như sau:

- » Doanh thu: 815 tỷ đồng.
- » LNTT: 130 tỷ đồng.
- » Cổ tức: 20%.

### CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM KHÁC

Giữ vững thị phần & mở rộng thị trường, đẩy mạnh phát triển thị trường OTC và củng cố thị trường ETC theo cơ cấu hợp lý. Duy trì/ gia tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng. Tiếp tục tập trung nguồn lực phát triển sản phẩm mới như Kiện Nhi OP.Sure, Nảo Đắc Sinh Cerinpas và các sản phẩm được đánh giá có tiềm năng.

Đầu tư phát triển trong lĩnh vực thực phẩm chức năng, mỹ phẩm. Đầu tư xây dựng dây chuyền TPCN, đầu tư xây dựng hạ tầng, nhà kho nhằm đáp ứng phát triển quy mô sản xuất và kinh doanh.

Quan tâm đẩy mạnh sản xuất và cung ứng các gam hàng từ cồn và hóa dược nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Đẩy mạnh việc phát triển lĩnh vực sản xuất, chế biến và mở rộng mạng lưới phân phối vị thuốc y học cổ truyền cung cấp cho thị trường khối điều trị, các bệnh viện, phòng chẩn trị, phòng khám đông y,...

Đầu tư phát triển khoa học công nghệ và giải pháp trong nghiên cứu sản xuất, ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào... nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, tăng sản lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Tiếp tục triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Duy trì hệ thống thống tiêu chuẩn GPs.





Năm 2019, một năm thực sự khó khăn trong toàn ngành dược nói riêng. Các doanh nghiệp dược trong nước vẫn đang nỗ lực nhằm chiếm lĩnh thị trường nội địa dược đánh giá là tiềm năng, trong bối cảnh dân số đang dần bước vào giai đoạn già hoá, thu nhập gia tăng đi kèm sự quan tâm ngày càng nhiều của người dân về vấn đề chăm sóc sức khỏe, không chỉ ngày càng nhiều sản phẩm ngoại nhập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng mà còn sự thâm nhập ngày càng sâu của nhà đầu tư nước ngoài vào những doanh nghiệp trong nước. Các doanh nghiệp dược nội địa muốn chiếm lĩnh và giữ vững thị phần không gì khác phải không ngừng nâng cao năng lực, xây dựng thương hiệu và uy tín trên thị trường. Với quá trình 43 năm hình thành và phát triển, giữ vững giá trị cốt lõi, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng, OPC tin tưởng sẽ vượt qua mọi thử thách để phát triển bền vững và xứng đáng với danh hiệu “Thương hiệu Quốc gia” duy nhất 6 lần liên tiếp trong ngành dược.

Với những thành quả đạt được trong năm qua, Công ty CP Dược phẩm OPC trân trọng gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Quý ban ngành đoàn thể cùng toàn thể CBCNV đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ để Công ty hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra. Tiếp tục phát huy truyền thống đó, chúng tôi tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục giúp đỡ, ủng hộ chúng tôi trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

**Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng & thành đạt.**



Trích lục từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính  
Kết thúc ngày 31/12/2019, được kiểm toán bởi  
Công ty ERNST & YOUNG Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019





# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh, cung cấp dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Điềm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tấn	Thành viên
Ông Lê Vũ Thuật	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Xuân Vương và Ông Nguyễn Chí Linh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2020



Số tham chiếu: 61517100/21236198/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2019.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2020



Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 4171-2017-004-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã phân loại lại – Thuyết minh số 34)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>824.478.243.009</b>	<b>853.388.701.763</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>62.116.676.458</b>	<b>92.511.870.590</b>
111	1. Tiền		62.116.676.458	60.511.870.590
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	32.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>35.068.954.572</b>	<b>3.068.954.572</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		68.954.572	68.954.572
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	35.000.000.000	3.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>167.820.950.590</b>	<b>152.451.701.381</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	165.053.943.045	160.305.714.690
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	3.036.122.667	9.653.990.649
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	22.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.845.616.088	5.051.820.467
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 8	(28.114.731.210)	(22.559.824.425)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>550.577.884.952</b>	<b>596.501.069.108</b>
141	1. Hàng tồn kho		552.486.771.064	598.968.372.631
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.908.886.112)	(2.467.303.523)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.893.776.437</b>	<b>8.855.106.112</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.229.598.928	1.738.366.511
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.442.903.508	6.587.783.910
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		221.274.001	528.955.691
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>355.552.958.920</b>	<b>336.005.106.233</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.771.660.200</b>	<b>3.771.660.200</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.320.179.683	5.514.545.683
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(1.548.519.483)	(1.742.885.483)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>242.966.810.209</b>	<b>253.226.364.586</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	164.635.824.627	173.781.426.460
222	Nguyên giá		489.207.328.038	475.311.416.830
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(324.571.503.411)	(301.529.990.370)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	78.330.985.582	79.444.938.126
228	Nguyên giá		83.921.172.931	83.921.172.931
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.590.187.349)	(4.476.234.805)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>25.680.880.467</b>	<b>30.613.675.807</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	25.680.880.467	30.613.675.807
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>23.994.960.793</b>	<b>24.676.475.700</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.209.960.793	13.416.475.700
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.785.000.000	11.260.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>59.138.647.251</b>	<b>23.716.929.940</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	57.532.721.941	21.581.480.949
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	1.605.925.310	2.135.448.991
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.180.031.201.929</b>	<b>1.189.393.807.996</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã phân loại lại – Thuyết minh số 34)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>492.367.933.825</b>	<b>563.377.699.129</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>486.695.774.767</b>	<b>557.406.335.183</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	33.417.487.273	86.937.589.737
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	209.810.660.751	209.709.790.869
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	14.974.828.633	15.221.960.129
314	4. Phải trả người lao động		69.307.856.494	80.307.626.310
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	3.154.762.462	2.312.734.609
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.073.350.000	3.015.200.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.587.457.997	30.239.896.391
320	8. Vay ngắn hạn	21	124.618.285.702	105.856.350.728
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	28.751.085.455	23.805.186.410
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.672.159.058</b>	<b>5.971.363.946</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	60.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	23	4.910.492.541	4.573.789.875
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		701.666.517	1.337.574.071
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>687.663.268.104</b>	<b>626.016.108.867</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24.1</b>	<b>687.663.268.104</b>	<b>626.016.108.867</b>
411	1. Vốn cổ phần		265.772.800.000	265.772.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		265.772.800.000	265.772.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		16.680.700.783	16.680.700.783
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		212.434.575.449	194.356.152.797
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		125.012.258.452	81.425.296.200
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		76.560.488.076	59.741.346.287
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		48.451.770.376	21.683.949.913
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		67.762.933.420	67.781.159.087
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.180.031.201.929</b>	<b>1.189.393.807.996</b>

*baul*

*[Signature]*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng


Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc


Ngày 10 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	994.132.345.901	1.005.113.833.760
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	4.742.484.803	2.636.193.738
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>25.1</b>	<b>989.389.861.098</b>	<b>1.002.477.640.022</b>
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	572.536.741.111	571.410.793.173
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>416.853.119.987</b>	<b>431.066.846.849</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	4.644.664.583	4.315.754.815
22	7. Chi phí tài chính	27	14.086.499.914	12.621.892.806
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	27	7.519.682.209	5.647.951.804
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	209.960.793	1.416.475.700
25	9. Chi phí bán hàng	28	192.143.146.356	208.467.103.453
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	95.027.179.111	99.939.711.623
<b>30</b>	<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>120.450.919.982</b>	<b>115.770.369.482</b>
31	12. Thu nhập khác	29	10.877.127.169	16.300.526.136
32	13. Chi phí khác		144.589.629	1.824.852.717
<b>40</b>	<b>14. Lợi nhuận khác</b>		<b>10.732.537.540</b>	<b>14.475.673.419</b>
<b>50</b>	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>131.183.457.522</b>	<b>130.246.042.901</b>
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	29.405.220.705	29.276.802.865
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	529.523.681	207.167.772
<b>60</b>	<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>101.248.713.136</b>	<b>100.762.072.264</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		100.930.837.376	98.144.989.961
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		317.875.760	2.617.082.303
<b>70</b>	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>24.4</b>	<b>3.401</b>	<b>3.412</b>
<b>71</b>	<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>24.4</b>	<b>3.401</b>	<b>3.412</b>

  
Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

  
Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>131.183.457.522</b>	<b>130.246.042.901</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		25.501.046.197	22.951.905.720
03	Các khoản dự phòng		5.138.826.040	3.391.618.773
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.470.510)	26.027.506
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.454.463.724)	(19.444.269.087)
06	Chi phí lãi vay	27	7.519.682.209	5.647.951.804
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>154.884.077.734</b>	<b>142.819.277.617</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		(6.144.200.457)	(1.090.365.980)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		46.442.796.567	(122.662.762.481)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(59.970.853.865)	40.025.269.691
12	Tăng chi phí trả trước		(35.442.473.409)	(19.205.193.629)
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.327.407.858)	(5.457.987.574)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.146.400.939)	(26.520.321.421)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.238.254.477)	(6.365.934.541)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>56.057.283.296</b>	<b>1.541.981.682</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(27.060.145.246)	(42.138.150.559)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		31.592.579.527	17.074.080.000
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(68.000.000.000)	(3.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		8.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(525.000.000)	-
27	Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		5.520.739.229	4.754.395.967
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(50.471.826.490)</b>	<b>(23.309.674.592)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	18.983.760.000
33	Tiền thu từ đi vay	21	429.014.892.638	420.800.990.265
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(410.252.957.664)	(397.277.802.819)
36	Cổ tức đã trả		(54.745.719.910)	(53.689.268.050)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(35.983.784.936)</b>	<b>(11.182.320.604)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(30.398.328.130)	(32.950.013.514)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		92.511.870.590	125.589.512.610
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.133.998	(127.628.506)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	62.116.676.458	92.511.870.590

*ba*

*PN*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh, cung cấp dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.018 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.063 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 2 công ty con với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm %	Số đầu năm %
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Thành phố Hồ Chí Minh	Dược phẩm, bất động sản	58,14	58,14
(2) Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	100,00	100,00



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"), thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 202 cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích khấu hao.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 45 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	2 – 5 năm
Tài sản khác	3 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất cho thời hạn thuê 36 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, thì phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) quý.

Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Lãi hoặc lỗ từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với các công ty liên kết được loại trừ theo tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo Điều lệ Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức không có khả năng bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất và bất động sản. Tuy nhiên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của hoạt động bất động sản chiếm không trọng yếu trong tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề dược phẩm và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã phân loại lại – Thuyết minh số 34)
Tiền mặt	11.150.115.920	22.105.459.335
Tiền gửi ngân hàng	50.966.560.538	38.406.411.255
Các khoản tương đương tiền	-	32.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.116.676.458</b>	<b>92.511.870.590</b>

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá một năm và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 7,4%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	165.053.943.045	160.305.714.690
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(23.233.700.412)</u>	<u>(18.058.223.416)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>141.820.242.633</u></b>	<b><u>142.247.491.274</u></b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 21*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tân Lộc Xanh	1.330.179.240	1.330.179.240
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Thiên An	535.150.000	279.950.000
Dương Thị Mộng Ngọc	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Chấn Nam Phát	-	5.044.975.462
Khác	<u>670.793.427</u>	<u>2.498.885.947</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.036.122.667</u></b>	<b><u>9.653.990.649</u></b>
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	<u>(1.330.179.240)</u>	<u>(1.330.179.240)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>1.705.943.427</u></b>	<b><u>8.323.811.409</u></b>

**7. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho bên liên quan vay	<u>22.000.000.000</u>	<u>-</u>

Chi tiết khoản cho bên liên quan vay tín chấp như sau:

	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	<u>22.000.000.000</u>	Ngày 20 tháng 8 năm 2020	5,8%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.845.616.088</b>	<b>5.051.820.467</b>
Tiền thuê đất phải thu Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long (*)	3.601.800.798	3.601.800.798
Tạm ứng nhân viên	1.482.298.726	796.258.519
Lãi vay phải thu	126.311.100	-
Khác	635.205.464	653.761.150
<b>Dài hạn</b>	<b>5.320.179.683</b>	<b>5.514.545.683</b>
Tiền thuê đất phải thu Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long (*)	3.636.096.600	3.636.096.600
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	1.492.885.483
Khác	385.563.600	385.563.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.165.795.771</b>	<b>10.566.366.150</b>
<i>Dự phòng phải thu khác khó đòi</i>		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	<i>(3.550.851.558)</i>	<i>(3.171.421.769)</i>
<i>Dài hạn</i>	<i>(1.548.519.483)</i>	<i>(1.742.885.483)</i>

(\*) Khoản phải thu này thể hiện giá trị căn nhà Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("TW25"), công ty con của Công ty, góp vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long để xây dựng Cao ốc Master tọa lạc tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, TW25 đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. NỢ XẤU**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>28.698.709.994</b>	<b>(23.233.700.412)</b>	<b>19.799.176.228</b>	<b>(18.058.223.416)</b>
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	12.825.176.072	(12.825.176.072)	12.825.176.072	(12.825.176.072)
Bệnh viện	7.794.579.635	(3.334.910.368)	-	-
Nhà thuốc	2.456.123.504	(1.707.811.453)	2.452.123.504	(1.202.436.752)
Khác	5.622.830.783	(5.365.802.519)	4.521.876.652	(4.030.610.592)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.330.179.240</b>	<b>(1.330.179.240)</b>	<b>1.330.179.240</b>	<b>(1.330.179.240)</b>
Công ty TNHH Tân Lộc Xanh	1.330.179.240	(1.330.179.240)	1.330.179.240	(1.330.179.240)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.626.800.798</b>	<b>(3.550.851.558)</b>	<b>3.601.800.798</b>	<b>(3.171.421.769)</b>
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	3.601.800.798	(3.525.851.558)	3.601.800.798	(3.171.421.769)
Phải thu nhân viên	25.000.000	(25.000.000)	-	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.548.519.483</b>	<b>(1.548.519.483)</b>	<b>1.742.885.483</b>	<b>(1.742.885.483)</b>
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	(1.298.519.483)	1.492.885.483	(1.492.885.483)
Khác	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.204.209.515</b>	<b>(29.663.250.693)</b>	<b>26.474.041.749</b>	<b>(24.302.709.908)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm (Đã phân loại lại – Thuyết minh số 34)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	260.934.059.074	(1.802.637.093)	224.871.219.642	(2.329.590.606)
Bất động sản để bán (*)	160.622.501.912	-	160.622.501.912	-
Thành phẩm	124.477.153.649	(106.249.019)	158.219.317.243	(137.712.917)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.476.328.479	-	5.951.997.620	-
Hàng hóa	616.859.459	-	9.525.561.153	-
Công cụ, dụng cụ	359.868.491	-	284.752.511	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	39.493.022.550	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>552.486.771.064</u></b>	<b><u>(1.908.886.112)</u></b>	<b><u>598.968.372.631</u></b>	<b><u>(2.467.303.523)</u></b>

(\*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của TW25, công ty con của Công ty, đang trong quá trình chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (Thuyết minh số 17).

Như được trình bày tại Thuyết minh số 21, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.229.598.928</b>	<b>1.738.366.511</b>
Công cụ, dụng cụ	749.508.385	941.843.048
Khác	480.090.543	796.523.463
<b>Dài hạn</b>	<b>57.532.721.941</b>	<b>21.581.480.949</b>
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	57.441.854.151	21.456.956.500
Khác	90.867.790	124.524.449
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.762.320.869</u></b>	<b><u>23.319.847.460</u></b>

(\*) Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước phát sinh từ hợp đồng thuê đất số 109/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 12 tháng 10 năm 2018 mà TW25, công ty con của Công ty, đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để thuê lại cơ sở hạ tầng tại Lô B5-4, khu B5, đường D2, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.866 m2 cho mục đích xây dựng nhà máy. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 1 năm 2019) đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2054.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	257.285.650.225	187.332.173.984	26.639.032.385	4.054.560.236	475.311.416.830
Mua trong năm	139.424.584	6.354.128.382	3.555.333.745	-	10.048.886.711
Chuyển từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.979.173.586	2.367.858.431	-	-	5.347.032.017
Thanh lý	-	-	(1.500.007.520)	-	(1.500.007.520)
Số cuối năm	<u>260.404.248.395</u>	<u>196.054.160.797</u>	<u>28.694.358.610</u>	<u>4.054.560.236</u>	<u>489.207.328.038</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	109.190.516.144	165.935.119.451	22.568.753.771	3.835.601.004	301.529.990.370
Khấu hao trong năm	11.562.060.222	9.390.895.747	3.535.856.752	52.707.840	24.541.520.561
Thanh lý	-	-	(1.500.007.520)	-	(1.500.007.520)
Số cuối năm	<u>120.752.576.366</u>	<u>175.326.015.198</u>	<u>24.604.603.003</u>	<u>3.888.308.844</u>	<u>324.571.503.411</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>148.095.134.081</u>	<u>21.397.054.533</u>	<u>4.070.278.614</u>	<u>218.959.232</u>	<u>173.781.426.460</u>
Số cuối năm	<u>139.651.672.029</u>	<u>20.728.145.599</u>	<u>4.089.755.607</u>	<u>166.251.392</u>	<u>164.635.824.627</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết</i>	31.357.881.464	149.127.239.583	22.547.810.990	3.581.906.219	206.614.838.256



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>82.296.407.931</u>	<u>1.540.865.000</u>	<u>83.900.000</u>	<u>83.921.172.931</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	2.865.453.125	1.540.865.000	69.916.680	4.476.234.805
Khấu hao trong năm	<u>1.099.969.224</u>	<u>-</u>	<u>13.983.320</u>	<u>1.113.952.544</u>
Số cuối năm	<u>3.965.422.349</u>	<u>1.540.865.000</u>	<u>83.900.000</u>	<u>5.590.187.349</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>79.430.954.806</u>	<u>-</u>	<u>13.983.320</u>	<u>79.444.938.126</u>
Số cuối năm	<u>78.330.985.582</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>78.330.985.582</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết</i>	-	<i>1.540.865.000</i>	<i>83.900.000</i>	<i>1.624.765.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng mới chi nhánh Cần Thơ	14.644.976.906	-
Dự án nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Thành phố Hồ Chí Minh (*)	11.035.903.561	7.387.736.546
Dự án nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Bình, Tỉnh Bình Dương	-	20.870.470.098
Khác	-	2.355.469.163
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.680.880.467</u></b>	<b><u>30.613.675.807</u></b>

(\*) Số cuối năm thể hiện các chi phí liên quan đến khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thẩm định, thiết kế nhằm mục đích xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh của TW25, công ty con của Công ty.

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	12.209.960.793	13.416.475.700
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.785.000.000	11.260.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.994.960.793</u></b>	<b><u>24.676.475.700</u></b>

**15.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
		%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Dược phẩm	40,00	<u>12.209.960.793</u>	40,00	<u>13.416.475.700</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

VND  
Công ty Cổ phần  
Dược OPC Bắc Giang

**Giá trị đầu tư:**

Số đầu năm và số cuối năm 12.000.000.000

**Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:**

Số đầu năm	1.416.475.700
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	664.018.041
Cổ tức được chia trong năm	(1.416.475.700)
Lợi nhuận chưa thực hiện	<u>(454.057.248)</u>
Số cuối năm	<u>209.960.793</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>13.416.475.700</u>
Số cuối năm	<u>12.209.960.793</u>

**15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	180.000	4.070.000.000	180.000	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (*)	272.250	2.750.000.000	247.500	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	1.950.000.000	145.000	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình (**)	15.750	1.665.000.000	10.500	1.140.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	10.000	<u>100.000.000</u>	10.000	<u>100.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>11.785.000.000</u></b>		<b><u>11.260.000.000</u></b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh ("Hadiphar") đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018. Theo Nghị quyết trên, Hadiphar đã phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10% (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 709.205 cổ phiếu được phát hành thêm. Theo đó, số lượng cổ phiếu Nhóm Công ty nắm giữ của Hadiphar tăng từ 247.500 cổ phiếu lên 272.250 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

(\*\*) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thái Bình ("Dược Thái Bình") số tiền là 525.000.000 VND, tương đương với 5.250 cổ phiếu, theo Thông báo phát hành cổ phiếu số 90-CTD ngày 9 tháng 12 năm 2019.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	31.897.092.273	84.888.632.737
<i>Công ty TNHH Kim Hà Việt</i>	3.284.570.858	4.811.057.989
<i>Công ty TNHH Sản xuất Phim Tuổi Trẻ Việt</i>	4.382.632.000	-
<i>Jiangsu Dahua Pharmaceutical Co., Ltd</i>	-	26.108.784.000
<i>Jiangxi Spice Chemical Industrial Co., Ltd</i>	-	13.054.392.000
<i>Khác</i>	24.229.889.415	40.914.398.748
Phải trả bên liên quan	1.520.395.000	2.048.957.000
<i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>	1.520.395.000	2.048.957.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.417.487.273</b>	<b>86.937.589.737</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (i)	178.082.838.961	178.082.838.961
Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kinh doanh An Phát (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
Khác	477.821.790	376.951.908
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209.810.660.751</b>	<b>209.709.790.869</b>

(i) Đây là khoản tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh ("INDECO") theo Hợp đồng hợp tác, đầu tư và chuyển giao bất động sản số 58/TW25-INDECO ký ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa TW25, công ty con của Công ty, và INDECO để đầu tư xây dựng Cao ốc Văn Phòng trên khu đất tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, TW25 và INDECO cũng đã ký kết hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) số 59/TW25-INDECO cho dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên thửa đất tại số 120 Hai Bà Trưng. Theo đó, mọi công việc, thủ tục, chi phí liên quan đến xây dựng và hoàn thành cao ốc sẽ do INDECO thực hiện và chịu mọi chi phí. Sau khi cao ốc văn phòng này được xây dựng xong và hoàn tất các thủ tục pháp lý, TW25 sẽ chuyển nhượng khu đất và cao ốc văn phòng cho INDECO.

(ii) Đây là tiền đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng số 68/2017/HĐCN/SPEC/TW-25 ký ngày 2 tháng 11 năm 2017 giữa TW25 và Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam để chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và quyền khai thác và phát triển dự án trên khu đất tọa lạc tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 75.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(iii) Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và quyền thuê đất số 18/2017/HĐCN/TW25-HLV ký ngày 31 tháng 3 năm 2017 giữa TW25 và Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long và quyền thuê khu đất tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt. Giá chuyển nhượng quyền khai thác đối với khu đất phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 là 5.000.000.000 VND. Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát thông qua thỏa thuận ký kết số 19/2018-BBTT và hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và quyền thuê đất số 20/2018/HĐCN/TW25-AP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	543.190.843	29.885.259.609	30.428.450.452	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.214.463.041	29.405.220.705	30.146.400.939	11.473.282.807
Thuế thu nhập cá nhân	2.032.875.927	12.807.853.071	13.166.958.982	1.673.770.016
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.670.077.022	2.670.077.022	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.614.836	136.064.146	127.948.364	9.730.618
Thuế nhập khẩu	-	113.627.166	113.627.166	-
Các loại thuế khác	429.815.482	6.098.843.016	4.710.613.306	1.818.045.192
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.221.960.129</b>	<b>81.116.944.735</b>	<b>81.364.076.231</b>	<b>14.974.828.633</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.577.119.622	-
Chi phí lãi vay	430.940.129	238.665.778
Chi phí nhượng quyền	-	840.184.441
Chi phí khác	1.146.702.711	1.233.884.390
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.154.762.462</b>	<b>2.312.734.609</b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức	724.507.839	27.223.555.449
Kinh phí công đoàn	268.014.203	364.009.620
Phải trả khác	594.935.955	2.652.331.322
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.587.457.997</b>	<b>30.239.896.391</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	105.856.350.728	429.014.892.638	(410.252.957.664)	124.618.285.702
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:				
Hợp đồng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn</b>				
01/2019/93680/HĐTD	48.452.065.776	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2020 đến ngày 28 tháng 5 năm 2020	5,7% - 5,9%	Tin chấp
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam</b>				
SHBVN/BC/HDTD/OPC/201804	28.348.686.132	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 23 tháng 3 năm 2020	5,6%	Tin chấp
<b>Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
HĐSTVN523-13	25.139.308.792	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2020 đến ngày 21 tháng 4 năm 2020	5,4% - 6,0%	Hàng tồn kho và phải thu
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
0039/1938/N-CTD	16.997.658.812	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2020 đến ngày 23 tháng 3 năm 2020	5,7%	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b>				
079/2019-HĐCVHM/NHCT902	5.680.566.190	Ngày 18 tháng 6 năm 2020	6,8%	Đây là khoản vay của Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương, công ty con của Công ty, được Công ty bảo lãnh
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>124.618.285.702</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	23.805.186.410	19.445.198.962
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong năm (Thuyết minh số 24.1)	11.354.881.599	9.821.561.449
Sử dụng quỹ	<u>(6.408.982.554)</u>	<u>(5.461.574.001)</u>
Số cuối năm	<u>28.751.085.455</u>	<u>23.805.186.410</u>

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trợ cấp thôi việc	<u>4.910.492.541</u>	<u>4.573.789.875</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

						VND
	Vốn cổ phần (*)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>						
Số đầu năm	253.116.960.000	10.392.780.783	180.129.188.572	60.182.086.833	67.150.796.212	570.971.812.400
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	98.144.989.961	2.617.082.303	100.762.072.264
Tăng vốn	12.655.840.000	6.327.920.000	-	-	-	18.983.760.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(40.000.000)	-	-	-	(40.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	14.226.964.225	(14.121.188.516)	(105.775.709)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.610.010.030)	(211.551.419)	(9.821.561.449)
Cổ tức công bố	-	-	-	(53.154.560.000)	(1.669.392.300)	(54.823.952.300)
Khác	-	-	-	(16.022.048)	-	(16.022.048)
Số cuối năm	<u>265.772.800.000</u>	<u>16.680.700.783</u>	<u>194.356.152.797</u>	<u>81.425.296.200</u>	<u>67.781.159.087</u>	<u>626.016.108.867</u>
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	194.356.152.797	81.425.296.200	67.781.159.087	626.016.108.867
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	100.930.837.376	317.875.760	101.248.713.136
Phân phối quỹ	-	-	18.078.422.652	(18.078.422.652)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.013.394.584)	(341.487.015)	(11.354.881.599)
Cổ tức công bố	-	-	-	(26.577.280.000)	(1.669.392.300)	(28.246.672.300)
Khác	-	-	-	(1.674.777.888)	1.674.777.888	-
Số cuối năm	<u>265.772.800.000</u>	<u>16.680.700.783</u>	<u>212.434.575.449</u>	<u>125.012.258.452</u>	<u>67.762.933.420</u>	<u>687.663.268.104</u>

(\*) Vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được góp đầy đủ và phê duyệt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 308/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 8 năm 2018. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các hồ sơ cần thiết để nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	26.577.280	26.577.280
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.577.280	26.577.280
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.577.280	26.577.280

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**24.3 Cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức công bố trong năm</b>	<b>26.577.280.000</b>	<b>53.154.560.000</b>
<i>Tạm ứng cổ tức đợt 1 (10%):</i>	<i>26.577.280.000</i>	<i>26.577.280.000</i>
<i>Trích trước cổ tức đợt 2 (10%):</i>	<i>-</i>	<i>26.577.280.000</i>
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>54.745.719.910</b>	<b>53.689.268.050</b>

**24.4 Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	100.930.837.376	98.144.989.961
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(10.539.098.000)</u>	<u>(10.131.966.599)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	90.391.739.376	88.013.023.362
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	26.577.280	25.793.658
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	<i>3.401</i>	<i>3.412</i>
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	<i>3.401</i>	<i>3.412</i>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 336/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 19/NQ-ĐHĐCĐ-TW25 ngày 5 tháng 4 năm 2019 của TW25.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>994.132.345.901</b>	<b>1.005.113.833.760</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	978.143.782.291	977.333.582.833
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	14.364.934.024	27.328.113.302
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.623.629.586	452.137.625
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	4.742.484.803	2.636.193.738
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>989.389.861.098</b>	<b>1.002.477.640.022</b>

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.705.137.724	3.393.862.560
Cổ tức được chia	639.478.000	549.895.720
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	280.855.080	360.100.285
Chiết khấu thanh toán	19.193.779	11.896.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.644.664.583</b>	<b>4.315.754.815</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	539.071.673.053	518.638.887.631
Giá vốn hàng khuyến mãi	18.505.053.493	25.655.969.434
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	14.295.377.350	26.934.117.925
Giá vốn dịch vụ	664.637.215	181.818.183
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>572.536.741.111</b>	<b>571.410.793.173</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.519.682.209	5.647.951.804
Chiết khấu thanh toán	6.137.453.296	6.439.287.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	429.364.409	534.653.803
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.086.499.914</b>	<b>12.621.892.806</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>192.143.146.356</b>	<b>208.467.103.453</b>
Chi phí nhân viên	120.698.781.173	144.730.440.076
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	20.911.000.516	19.764.381.417
Khác	50.533.364.667	43.972.281.960
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>95.027.179.111</b>	<b>99.939.711.623</b>
Chi phí nhân viên	41.540.411.217	47.928.188.791
Khác	53.486.767.894	52.011.522.832
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>287.170.325.467</u></b>	<b><u>308.406.815.076</u></b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	9.884.887.207	14.084.035.107
Cho thuê mặt bằng	392.727.264	392.727.264
Khác	599.512.698	1.823.763.765
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.877.127.169</u></b>	<b><u>16.300.526.136</u></b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	416.756.298.181	342.029.760.832
Chi phí nhân viên	214.980.731.631	251.203.253.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.392.818.389	50.382.607.965
Chi phí khấu hao	25.501.046.197	22.951.905.720
Khác	59.018.752.267	80.375.428.644
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>787.649.646.665</u></b>	<b><u>746.942.956.573</u></b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi bởi quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.359.840.417	27.713.449.857
Điều chỉnh thuế TNDN bổ sung năm trước	45.380.288	1.563.353.008
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	529.523.681	207.167.772
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.934.744.386</u></b>	<b><u>29.483.970.637</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**31.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay			VND
	Hoạt động chính	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	Tổng cộng	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>121.521.297.587</b>	<b>9.662.159.935</b>	<b>131.183.457.522</b>	<b>130.246.042.901</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	24.304.259.517	1.932.431.987	26.236.691.504	26.049.208.581
<i>Các điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được trừ	2.293.213.861	-	2.293.213.861	2.576.076.072
Thu nhập cố tức không chịu thuế TNDN	(127.895.600)	-	(127.895.600)	(421.371.884)
Phần lãi trong công ty liên kết	(41.992.159)	-	(41.992.159)	(283.295.140)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản lỗ chuyển sang các năm sau	1.529.346.492	-	1.529.346.492	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	45.380.288	-	45.380.288	1.563.353.008
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>28.002.312.399</b>	<b>1.932.431.987</b>	<b>29.934.744.386</b>	<b>29.483.970.637</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**31.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trợ cấp thời việc phải trả	982.098.509	914.757.975	67.340.534	(12.516.225)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	314.703.896	348.577.096	(33.873.200)	(49.545.633)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	172.068.863	250.734.045	(78.665.182)	250.734.045
Lợi nhuận chưa thực hiện	137.373.374	595.887.774	(458.514.400)	(421.419.013)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(319.332)	25.492.101	(25.811.433)	25.579.054
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b><u>1.605.925.310</u></b>	<b><u>2.135.448.991</u></b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>(529.523.681)</u></b>	<b><u>(207.167.772)</u></b>

**31.4. Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ với tổng giá trị là 7.646.732.461 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	VND	
			<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2019</i>
2019	2024	<u>7.646.732.461</u>	-	<u>7.646.732.461</u>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 7.646.732.461 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	47.879.204.000	50.039.257.500
		Cho vay	36.000.000.000	-
		Lãi cho vay	641.222.200	-
		Lợi nhuận được chia	1.416.475.700	763.956.271

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Cho vay	<u>22.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Lãi cho vay	<u>126.311.100</u>	<u>-</u>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	<u>1.520.395.000</u>	<u>2.048.957.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>18.472.254.728</u>	<u>12.831.787.232</u>

**33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	3.696.877.937	3.033.686.061
Từ 2 năm đến 5 năm	836.352.000	2.980.611.838
Trên 5 năm	4.390.848.000	4.599.936.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.924.077.937</u></b>	<b><u>10.614.233.899</u></b>

**34. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phân loại lại nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chi tiết được trình bày như sau:

	Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số liệu sau phân loại lại
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018</b>			
Tiền	92.511.870.590	(32.000.000.000)	60.511.870.590
Các khoản tương đương tiền	-	32.000.000.000	32.000.000.000
Hàng tồn kho	438.345.870.719	160.622.501.912	598.968.372.631
Bất động sản đầu tư	160.622.501.912	(160.622.501.912)	-

**35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	<u>51.263</u>	<u>568.171</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


---

Hồ Thị Hải Vân                      Nguyễn Thế Đề                      Nguyễn Chí Linh  
Người lập                              Kế toán trưởng                      Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

T H H





# OPC PHARMA

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

 1017 Hồng Bàng, P.12, Quận 6, TPHCM

 028.37517111

 [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)